

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 -6-2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Kim Phong.
2. Bà Nguyễn Thị Diệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị T; Sinh ngày 02/5/1987;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Ngọc D; Sinh ngày 09/3/1995;

Nơi đăng ký HKTT và Địa chỉ cư trú hiện nay: Phố ..., thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020, bản tự khai ngày 09/3/2020, nguyên đơn là chị Nông Thị T trình bày: Chị và anh Lý Ngọc D kết hôn vào ngày 10/4/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, chị và anh D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên ly thân từ ngày 20 tháng 02 năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh D.

Trong thời gian chung sống, chị và anh D không có con chung và không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 anh Lý Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T, còn về thủ tục tố tụng thì anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, còn anh D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị T kết hôn với anh Lý Ngọc D, địa chỉ: Phố .., thị trấn N, huyện H, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Cao Bằng. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh D, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh D có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại biên bản lấy lời khai. Tại phiên tòa, anh Lý Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Lý Ngọc D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh D được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì chị và anh D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã không sống chung với nhau từ

tháng 02 năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh D.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị T và anh D đoàn tụ nhưng anh D vắng mặt, không có ý kiến.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 anh Lý Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D đều thừa nhận hai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lý Ngọc D.

2. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001404 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Kim Phong

Nguyễn Thị Diệp

Lục Thanh Hải